

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Hà,

Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXX-ST ngày 16/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Minh C sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lý Thị Minh C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh L kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng ký kết hôn số 20 ngày 12/3/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh Lực không chung thủy với chị, vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn, kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Do tình cảm không còn, chị Chín yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lực.

Về con chung: Chị C và anh L có hai con Lê Thành L sinh năm 2012 và Lê Đức Q sinh năm 2017. Khi ly hôn chị Chín nhận trách nhiệm nuôi hai con; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Chín không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Lý Thị Minh C và anh Lê Văn L; giao con Lê Thành L và Lê Đức Q cho chị Chín nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị C đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lực đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị C và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Vậy, xác định yêu cầu xin ly hôn của chị Chín đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần giải quyết cho ly hôn giữa chị Chín và anh Lực.

[3] Về con chung: Các bên có con chung như chị C trình bày là đúng và hiện nay đang do chị C nuôi. Nguyên vọng được tiếp tục nuôi con của chị C bảo đảm được lợi ích toàn diện và phù hợp với nguyên vọng của con Lê Thành L; vậy nên giao con Lê Thành L và Lê Đức Q cho chị C trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị C khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do chưa có lời khai của anh L nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị Minh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị Minh C và anh Lê Văn L.

Về nuôi con chung: Giao con Lê Thành Long sinh ngày 05/02/2012 và Lê Đức Quang sinh ngày 27/4/2017 cho chị Lý Thị Minh C trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị Minh C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị Minh C khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do chưa có lời khai của anh Lê Văn L nên không xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003417 ngày 22 tháng 01 năm 2020. Chị Lý Thị Minh C đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- UBND xã Dương Quan, h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

